

KINH 1277. HIỀM TRÁCH¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Thiên tử dung sắc tuyệt diệu, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Lúc đó, Thiên tử kia nói kệ:

*Không thể chỉ nói suông,
Cũng không một mực nghe,
Mà đạt được đạo tích,
Kiên cố thẳng vượt qua.
Tư duy khéo tịch diệt,
Giải thoát các ma phược.
Làm được mới đáng nói;
Không được, không nên nói.
Người không làm mà nói,
Thì người trí biết sai.
Không làm điều nên làm;
Không làm mà nói làm,
Là đồng với giặc quấy.*

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiên tử:

“Nay ông có điều gì hiềm trách chăng?”²

Thiên tử bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con hối lỗi. Bạch Thiện Thệ, con hối lỗi.”

Bấy giờ, Thế Tôn mỉm cười vui vẻ. Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Nay con xin hối lỗi,
Thế Tôn không nạp thọ;*

1. S. 1. 35. Ujjhānasaññino; N^o100(275).

2. Sớ giải của Pāli, SA. 1. 64, các Thiên thần này bắt binh về sự thọ dụng bốn duyên của Phật: Phật ca ngợi người sống với y phấn tảo, ngủ dưới gốc cây..., nhưng chính Ngài lại khoác y thượng hạng, sống tại trú xứ như cung điện vua.

*Trong lòng ôm tâm ác,
Oán hờn mà không bỏ.*

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

*Chỉ nói lời hối lỗi,
Trong tâm kia không dừng;
Làm sao dứt được oán,
Mà gọi là tu thiện?*

Lúc ấy, Thiên tử kia lại nói kệ:

*Ai không có lỗi kia?
Người nào không có tội?
Ai lại không ngu si?
Ai thường hay kiên cố?*

Thiên tử kia lại nói kệ tiếp:

*Lâu thấy Bà-la-môn,
Đã đạt Bát-niết-bàn;
Qua rồi mọi sợ hãi,
Vượt hẳn ái ân đời.*

Thiên tử kia nghe những gì Phật đã nói, hoan hỷ, tùy hỷ cúi đầu lễ sát chân Phật, liền biến mất.

M

KINH 1278. CÙ-CA-LÊ³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Cù-ca-lê⁴ là bè đảng Đê-bà-đạt-đa, đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Cù-ca-lê:

“Này Cù-ca-lê, vì sao đối với phạm hạnh thanh tịnh của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, người khởi tâm không thanh tịnh, để sẽ phải chịu khổ não lâu dài, không lợi ích.”

³. Sn.3. 10. Kokāliya; N^o100(276).

⁴. Cù-ca-lê 瞿迦梨. Pāli: Kokāliya.

Tỳ-kheo Cù-ca-lê bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con tin lời Thế Tôn, những điều đó là đúng. Nhưng tâm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có ác dực.”

Nói như vậy lần thứ hai, lần thứ ba. Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa ở chỗ Thế Tôn, trong khi nói lại lần thứ ba, chống đối, không nhận chịu, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Sau khi đứng dậy bỏ đi, khắp người ông nổi đầy mụn nhọt giống như trái lặt, dần dần to lên như trái đào. Khi ấy Tỳ-kheo Cù-ca-lê đau đớn thống khổ, miệng kêu lên: ‘Nóng quá! Nóng quá!’ Máu mủ chảy ra, thân hoại mạng chung, sanh vào địa ngục lớn Bát-đàm-ma⁵.

Bấy giờ, có ba vị Thiên tử dung mạo tuyệt vời, vào lúc cuối đêm, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy, một Thiên tử bạch Phật:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đề-bà-đạt-đa nay mạng chung.”

Thiên tử thứ hai thưa:

“Chư tôn nên biết, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục.”

Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

*Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,
Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi;
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.
Cờ bạc mất hết của,
Phải quấy là lỗi lớn;
Hủy Phật cùng Thanh văn,
Thì đó là tội lớn.*

Ba vị Thiên tử kia nói kệ này rồi liền biến mất. Qua sáng sớm

⁵. Bát-đàm-ma 鉢曇摩. Pāli: Paduma (sen đỏ) tên địa ngục.

hôm sau, bảy giờ Thế Tôn đi vào trong Tăng, trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

“Cuối đêm qua, có ba vị Thiên tử đến chỗ Ta, đánh lễ sát chân Ta, ngồi lui qua một bên. Thiên tử thứ nhất thưa Ta rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc bè đảng Đê-bà-đạt-đa nay mạng chung.

“Thiên tử thứ hai nói với chư Thiên khác rằng:

“Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung, rơi vào địa ngục.”

“Thiên tử thứ ba liền nói kệ:

*“Con người sanh ở đời,
Búa sanh từ trong miệng,
Trở lại chém thân mình,
Đó do lời nói ác.
Đáng chê lại khen ngợi,
Đáng khen ngợi lại chê.
Tội này sanh nơi miệng,
Chết rơi vào đường ác.”*

“Sau khi nói kệ này rồi liền biến mất.

“Này các Tỳ-kheo, các ông có muốn nghe kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh sanh vào địa ngục A-phù-đà⁶ không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính đúng lúc, cúi xin Thế Tôn vì đại chúng nói về kỳ hạn thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà. Các Tỳ-kheo nghe xong sẽ lãnh thọ phụng hành.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thí như tại nước Câu-tát-la bốn thặng là một a-la, bốn a-la là một độc-lung-na, mười sáu độc-lung-na là một xà-ma-na, mười sáu xà-ma-na là một ma-ni, hai mươi ma-ni là một khứ-lê⁷, hai mươi khứ-lê

⁶. A-phù-đà 阿浮陀. Pāli: abbuda.

⁷. Các đơn vị đo lường: A-la 阿羅; độc-lung-na 獨籠那; xà-ma-na 閻摩那; ma-ni 摩尼; khứ-lê 佉梨. Pāli: khārika. Số giải, 4 patthā = 1 āḷhaka; 4 āḷhaka = 1 doṇa; 4 doṇa = 1 māṇika; 4 māṇika = 1 khāri.

là một kho hạt cải đầy trong đó⁸. Giả sử, nếu có người, cứ một trăm năm lấy một hạt cải, như vậy cho đến khi hết sạch kho hạt cải đầy kia, thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-phù-đà vẫn chưa hết. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-phù-đà như vậy bằng một thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục Ni-la-phù-đà⁹. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ni-la-phù-đà bằng thọ mạng của chúng sanh trong địa ngục A-tra-tra¹⁰. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-tra-tra bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-ba-ba¹¹. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-ba-ba bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục A-hưu-hưu¹². Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục A-hưu-hưu bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ưu-bát-la¹³. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Ưu-bát-la bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Bát-đàm-ma. Thọ mạng của chúng sanh trong hai mươi địa ngục Bát-đàm-ma bằng thọ mạng của chúng sanh trong một địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma.

“Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê mạng chung rơi vào địa ngục Ma-ha Bát-đàm-ma, vì Tỳ-kheo này đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sanh ác tâm phỉ báng. Cho nên, các Tỳ-kheo, nên học như vậy: Ở nơi chỗ tim đèn, mỗi lửa đang cháy kia còn không muốn hủy hoại, huống là hủy hoại chúng sanh có thức.”

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy học như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

-
8. Pāli: 20 khārika = 1 xe hạt cải (tilavāha).
 9. Ni-la-phù-đà 尼羅浮陀 . Pāli: Nirabbuda.
 10. A-tra-tra 阿吒吒 . Pāli: Aṭaṭa.
 11. A-ba-ba 阿波波 . Pāli: Ababa.
 12. A-hưu-hưu 阿休休 . Pāli: Ahaha.
 13. Ưu-bát-la 優鉢羅 . Pāli: Uppalaka.